

**CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 632 /BC-CP

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2024

## **BÁO CÁO**

### **Về tình hình nợ công năm 2024, dự kiến năm 2025**

Kính gửi: Đại biểu Quốc hội khóa XV.

Căn cứ Luật Quản lý nợ công số 20/2017/QH14 và chương trình kỳ họp thứ 8, Quốc hội khoá XV, Chính phủ báo cáo Quốc hội về tình hình nợ công năm 2024, dự kiến năm 2025 như sau:

#### **Phần I**

#### **TÌNH HÌNH NỢ CÔNG NĂM 2024**

Năm 2024 bối cảnh tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường, khó khăn thách thức nhiều hơn thuận lợi, thời cơ. Mặc dù vậy, nền kinh tế trong nước đã có sự phục hồi rõ nét, các cân đối vĩ mô được đảm bảo, lạm phát được kiểm soát, quy mô tiềm lực kinh tế - tài chính tiếp tục phát triển. Đạt được những kết quả này là nhờ sự lãnh đạo kịp thời, sát sao của Đảng, Nhà nước và sự nỗ lực, quyết liệt của các Bộ, ngành, địa phương; sự đồng tình, ủng hộ, ý chí vượt khó khăn để vươn lên của các doanh nghiệp và người dân, sự hợp tác, chia sẻ của cộng đồng quốc tế.

Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội: số 23/2021/QH15 về Kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021-2025; số 104/2023/QH15 về dự toán NSNN năm 2024; số 105/2023/QH15 về phân bổ ngân sách trung ương năm 2024, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024; Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 07/02/2024 phê duyệt hạn mức bảo lãnh Chính phủ và hạn mức vay về cho vay lại năm 2024; Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11/12/2023 về việc giao kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2024 cho các bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Quyết định số 490/QĐ-TTg về việc giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương từ dự phòng chung, dự phòng nguồn ngân sách trung ương của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2024 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương; Quyết định số 260/QĐ-TTg ngày



31/3/2024 phê duyệt Kế hoạch vay, trả nợ công năm 2024 và Chương trình quản lý nợ công 03 năm giai đoạn 2024-2026.

Thực hiện quy định của Luật Quản lý nợ công, Chính phủ báo cáo Quốc hội về tình hình nợ công năm 2024 như sau

## I. Tình hình thực hiện các kế hoạch, hạn mức, chỉ tiêu an toàn nợ công năm 2024

### 1. Về việc thực hiện các chỉ tiêu an toàn nợ công năm 2024

#### 1.1. Các chỉ tiêu an toàn nợ công:

Trên cơ sở ước thực hiện vay, trả nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia năm 2024, dự kiến các chỉ tiêu nợ đến cuối năm 2024 nằm trong giới hạn trần và ngưỡng cảnh báo an toàn đã được Quốc hội quyết định, cụ thể:

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu theo Nghị quyết 23 của Quốc hội	ƯTH 2024
1.	Nợ công / GDP	$\leq 60\%$	36-37%
2.	Nợ Chính phủ / GDP	$\leq 50\%$	33-34%
3.	Nợ nước ngoài của quốc gia / GDP	$\leq 50\%$	32-33%
4.	Nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Chính phủ / Thu NSNN	$\leq 25\%$	21-22%
5.	Nghĩa vụ trả nợ nước ngoài của quốc gia / Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ	$< 25\%$	8-9%

#### 1.2. Cơ cấu nợ Chính phủ:

a) Về cơ cấu nguồn vay nợ: Nợ trong nước ước chiếm khoảng 76% dư nợ Chính phủ, trong đó chủ yếu là trái phiếu Chính phủ (TPCP); nợ nước ngoài ước chiếm khoảng 24% dư nợ Chính phủ.

#### b) Cơ cấu chủ nợ:

- Về nợ trong nước: Đến ngày 30/6/2024, tỷ lệ nắm giữ TPCP của khối công ty bảo hiểm, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam (BHXH) và các quỹ đầu tư, công ty tài chính đạt khoảng 62,5% tổng dư nợ<sup>1</sup>, còn lại là các ngân hàng thương mại, các công ty chứng khoán, quỹ đầu tư và các nhà đầu tư khác.

- Về nợ nước ngoài: chủ nợ chủ yếu là các đối tác phát triển song phương và đa phương như Nhật Bản, Hàn Quốc, Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển Châu Á.

#### c) Cơ cấu đồng tiền vay:

Tỷ trọng nợ bằng đồng nội tệ (VND) chiếm phần lớn danh mục nợ Chính

<sup>1</sup> Mục tiêu theo Quyết định số 1191/QĐ-TTg là 60%.

phủ, ước khoảng 71,3% đến cuối năm 2023; nợ bằng ngoại tệ chủ yếu vẫn là đồng USD (khoảng 12,5%), JPY (khoảng 8,2%) và EUR (khoảng 4,4%), các đồng tiền khác chiếm khoảng 3,7%.

Chi tiết tình hình thực hiện các cấu phần nợ công gồm nợ Chính phủ, nợ chính phủ bảo lãnh, nợ chính quyền địa phương và các nội dung liên quan Chính phủ xin báo cáo tại các mục dưới đây.

## **2. Tình hình thực hiện kế hoạch vay, trả nợ của Chính phủ năm 2024**

### **a) Huy động vốn vay của Chính phủ:**

Trên cơ sở dự toán tổng mức vay của ngân sách trung ương (NSTW) Quốc hội quyết định là 659.934 tỷ đồng (trong đó, vay bù đắp bội chi NSTW là 372.900 tỷ đồng; vay để trả nợ gốc NSTW là 287.034 tỷ đồng), Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt kế hoạch vay của Chính phủ tối đa 676.057 tỷ đồng (gồm vay cho cân đối NSTW tối đa là 659.934 tỷ đồng, vay về cho vay lại vốn vay ODA, ưu đãi nước ngoài của Chính phủ khoảng 16.123 tỷ đồng).

Trên cơ sở dự toán Quốc hội phê duyệt, Chỉ thị 26/CT-TTg ngày 8/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ, theo đánh giá tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công năm 2024 trên 95% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, ước huy động vốn vay cả năm 2024 đạt 670.679 tỷ đồng (99,2% kế hoạch vay, trả nợ được duyệt), trong đó: vay cho cân đối NSTW ước đạt 659.934 tỷ đồng, vay về cho vay lại ước đạt 10.745 tỷ đồng (khoảng 66,6% kế hoạch được duyệt), bao gồm:

- Vay trong nước dự kiến ở mức 639.399 tỷ đồng (bằng khoảng 95% kế hoạch), trong đó chủ yếu thông qua phương thức phát hành trái phiếu chính phủ (TPCP). Ước cả năm, kỳ hạn phát hành bình quân TPCP khoảng 11 năm (mục tiêu theo NQ23/2021/QH15 là từ 9-11 năm); thời gian đáo hạn bình quân danh mục khoảng 9 năm; lãi suất phát hành bình quân ước khoảng 3%/năm, giảm 0,21 điểm phần trăm so với năm 2023 (3,21%/năm).

- Vay ODA, vay ưu đãi từ các nhà tài trợ nước ngoài ước đạt 31.280 tỷ đồng, trong đó vay về cho vay lại ước đạt 10.745 tỷ đồng. Các khoản vay nước ngoài đang giải ngân chủ yếu vẫn là các khoản vay ODA, vay ưu đãi của Chính phủ đã ký trước đây với kỳ hạn dài, lãi suất thấp (lãi suất bình quân gia quyền của danh mục vay nước ngoài hiện hành ở mức khoảng 1,9%/năm), từ các nhà tài trợ đa phương và song phương như Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển châu Á, Chính phủ Nhật Bản, Chính phủ Hàn Quốc, AFD (Pháp).

### **b) Về thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Chính phủ:**

Việc trả nợ của Chính phủ năm 2024 được thực hiện đầy đủ theo cam kết, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Chỉ tiêu nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Chính phủ / Thu NSNN khoảng 21-22%.<sup>2</sup>

<sup>2</sup> Trả nợ trực tiếp của NSTW tăng 1.000 tỷ đồng so với dự toán do tăng trả nợ gốc NQNN năm 2024 từ nguồn tăng thu NSNN năm 2023 đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội phê duyệt tại Nghị quyết số 1077/NQ-UBTVQH15 ngày 28/6/2024 về việc bổ sung dự toán thu NSNN năm 2023; phân bổ, sử dụng nguồn tăng thu, tiết kiệm chi thường xuyên của NSTW năm 2023.

### 3. Về tình hình đàm phán, ký kết vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài

Trong 9 tháng đầu năm Chính phủ đã thực hiện ký kết vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài với tổng trị giá khoảng 638,8 triệu USD, trong đó có 01 điều ước quốc tế vay Ngân hàng Thế giới.

Dự kiến năm 2024 sẽ hoàn thành việc đàm phán, ký kết 14 hiệp định, thỏa thuận vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài với tổng trị giá khoảng 1.500 triệu USD.<sup>3</sup> Các khoản vay mới cần được xem xét hiệu quả kinh tế, phương án tài chính, phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn, các chỉ tiêu nợ công, ngân sách đã được Quốc hội quyết định.

### 4. Về tình hình cho vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ

Ước rút vốn năm 2024 đạt 10.745 tỷ đồng. Nguồn vốn cho vay lại đối với chính quyền địa phương tập trung vào các lĩnh vực: (i) Giao thông vận tải, cầu, đường, đê điều và (ii) Môi trường, chống biến đổi khí hậu, cấp thoát nước, xử lý nước thải, rác thải, phát triển đô thị, y tế. Rút vốn cho vay lại đơn vị sự nghiệp công lập chủ yếu tập trung vào các dự án thuộc lĩnh vực dạy nghề và nâng cao chất lượng giáo dục đại học; cho vay lại doanh nghiệp chủ yếu cho các dự án thuộc lĩnh vực điện, năng lượng và giao thông của các hiệp định vay đã ký từ trước.

### 5. Tình hình cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ, thực hiện hạn mức bảo lãnh Chính phủ năm 2024

Tiếp tục bám sát chủ trương quản lý chặt chẽ bảo lãnh Chính phủ tại Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 9/11/2016 của Bộ Chính trị về cơ cấu lại NSNN, quản lý nợ công bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững và các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, trong năm 2024, Chính phủ không cấp mới bảo lãnh cho các dự án vay trong nước và nước ngoài; chỉ cấp bảo lãnh phát hành cho các ngân hàng chính sách tối đa bằng nghĩa vụ trả nợ gốc đến hạn hàng năm. Theo đó, dự kiến vay, trả nợ Chính phủ bảo lãnh năm 2024 nằm trong hạn mức được phê duyệt. Cụ thể:

- Về bảo lãnh vay trong nước của Chính phủ cho các dự án: Chính phủ không cấp bảo lãnh cho các dự án mới; các đối tượng được bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc ước ở mức 1.031 tỷ đồng, trả nợ lãi ước ở mức 844 tỷ đồng. Dư nợ đến cuối năm 2024 dự kiến 9.464 tỷ đồng, giảm 690 tỷ đồng so với cuối năm 2023.

- Về bảo lãnh phát hành trái phiếu cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam (NHPT): Năm 2024 không phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, chỉ trả nợ gốc và lãi. Dư nợ trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh cho NHPT cuối năm 2024 dự kiến 76.071 tỷ đồng, giảm 1.160 tỷ đồng so với cuối năm 2023.

- Về bảo lãnh phát hành trái phiếu cho Ngân hàng Chính sách Xã hội (NHCSXH): Năm 2024 không phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, chỉ trả nợ lãi. Dư nợ trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh cho NHCSXH cuối năm 2024 dự kiến 77.731 tỷ đồng, tương đương với cuối năm 2023.

- Về bảo lãnh vay nước ngoài: Năm 2024, Chính phủ không cấp bảo lãnh

<sup>3</sup> Bao gồm các Hiệp định vay nước ngoài đã ký không thuộc diện công khai.

cho các dự án mới. Các dự án đều đã hoàn thành giai đoạn giải ngân, không còn rút vốn, chỉ thực hiện trả nợ gốc, trả nợ lãi. Dự nợ đến cuối năm 2024 dự kiến 89.194 tỷ đồng, giảm 25.409 tỷ đồng so với cuối năm 2023.

## **6. Tình hình thực hiện kế hoạch vay, trả nợ của chính quyền địa phương năm 2024**

Trên cơ sở tổng hợp báo cáo của các địa phương, ước thực hiện vay, trả nợ ngân sách địa phương (NSDP) năm 2024 như sau:

- Tổng số vay trong năm dự kiến ở mức 20.574 tỷ đồng (so với mức vay Quốc hội duyệt là 30.619 tỷ đồng);
- Trả nợ gốc trong năm ước 4.103 tỷ đồng (so với mức 4.119 tỷ đồng theo dự toán được Quốc hội duyệt); trả nợ lãi ước đạt 2.478 tỷ đồng (dự toán là 2.874 tỷ đồng).

Với số liệu vay, trả nợ NSDP năm 2024 như trên, dự kiến bội chi NSDP năm 2024 ở mức 16.471 tỷ đồng, giảm 10.029 tỷ đồng so với dự toán Quốc hội quyết định (26.500 tỷ đồng).

## **7. Về tình hình quản lý, sử dụng Quỹ Tích lũy trả nợ**

Căn cứ quy định của pháp luật về quản lý nợ công, Quỹ Tích lũy trả nợ được Chính phủ thành lập và giao Bộ Tài chính quản lý nhằm bảo đảm khả năng thanh toán nghĩa vụ nợ của các khoản vay về cho vay lại và dự phòng rủi ro phát sinh từ việc cho vay lại, bảo lãnh của Chính phủ.

Định kỳ hàng năm, tình hình quản lý, sử dụng Quỹ Tích lũy trả nợ được tổng hợp trong báo cáo chung về nợ công<sup>4</sup> và được kiểm toán bởi Kiểm toán Nhà nước trong quá trình kiểm toán NSNN hoặc kiểm toán chuyên đề về nợ công.<sup>5</sup>

Việc quản lý và sử dụng Quỹ Tích lũy trả nợ thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Tình hình quản lý, sử dụng Quỹ Tích lũy trả nợ đến nay như sau:

- Số dư đầu kỳ (01/01/2024) là 81.343,87 tỷ đồng.
- Số thu phát sinh trong kỳ (từ 01/01/2024 đến 31/08/2024) là 17.642,11 tỷ đồng. Trong đó thu hoạt động quỹ là 17.471,54 tỷ đồng (từ các khoản thu hồi cho vay lại, thu phí cho vay lại, thu phí bảo lãnh và thu hoạt động khác), thu quản lý quỹ là 170,57 tỷ đồng.
- Số chi phát sinh trong kỳ (từ 01/01/2024 đến 31/08/2024) là 17.898,74 tỷ đồng bao gồm chi hoàn trả ngân sách số trả nợ nước ngoài phần cho vay lại, chi trích phí cho vay lại, phí bảo lãnh là 16.980,82 tỷ đồng; số ứng vốn các dự án cho vay lại và bảo lãnh Chính phủ gặp khó khăn trong trả nợ là 917,92 tỷ đồng.
- Số dư tạm tính cuối kỳ (tới thời điểm 31/8/2024) là 81.087,24 tỷ đồng.

<sup>4</sup> Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 60 của Luật Quản lý nợ công.

<sup>5</sup> Theo quy định tại Điều 18 Luật Quản lý nợ công.

## 8. Về tình hình vay, trả nợ nước ngoài của quốc gia

Theo đánh giá của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,<sup>6</sup> dự kiến thực hiện hạn mức vay thương mại nước ngoài của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng theo phương thức tự vay tự trả năm 2024 nằm trong hạn mức được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.<sup>7</sup>

Dư nợ nước ngoài của quốc gia so với GDP đến cuối năm 2024 dự kiến ở mức khoảng 32-33% GDP (mức trần theo quy định của Quốc hội là 50% GDP) được Quốc hội phê duyệt.

Về cơ cấu, nợ nước ngoài của Chính phủ và Chính phủ bảo lãnh dự kiến chiếm khoảng 27,1% nợ nước ngoài quốc gia; nợ nước ngoài tự vay tự trả của doanh nghiệp và tổ chức tín dụng dự kiến chiếm khoảng 72,9%.

Tỷ lệ nghĩa vụ trả nợ nước ngoài của quốc gia so với kim ngạch xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ năm 2024 (không bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc ngắn hạn dưới 12 tháng) dự kiến ở mức khoảng 8-9%,<sup>8</sup> trong giới hạn được Quốc hội cho phép là 25%.

## 9. Tình hình thực hiện các nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội về nợ công

a) Năm 2024, công tác huy động vốn vay, trả nợ được thực hiện trên cơ sở tổng mức vay, trả nợ của ngân sách nhà nước được Quốc hội quyết định tại Nghị quyết số 104/2023/QH15 về dự toán NSNN năm 2024; Nghị quyết số 105/2023/QH15 về phân bổ ngân sách trung ương năm 2024.

Về tổng thể, công tác quản lý nợ công đã được triển khai thực hiện bám sát Nghị quyết số 23/2021/QH15 của Quốc hội về Kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021-2025, đảm bảo mục tiêu, chỉ tiêu về an toàn nợ công, tổng mức vay, trả nợ của NSNN, hạn mức bảo lãnh Chính phủ và vay về cho vay lại vốn vay ODA, ưu đãi nước ngoài trong giới hạn cho phép. Các giải pháp quản lý nợ công bám sát Nghị quyết số 23 của Quốc hội, bao gồm đa dạng hóa nguồn vốn và phương thức vay trong nước và ngoài nước, tái cơ cấu danh mục nợ trái phiếu chính phủ, bố trí thanh toán trả nợ đầy đủ, đúng hạn.... Công tác cấp bảo lãnh Chính phủ và theo dõi các nghĩa vụ nợ dự phòng của ngân sách nhà nước được kiểm soát chặt chẽ. Công tác huy động và sử dụng vốn vay ODA và ưu đãi nước ngoài bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội và khả năng trả nợ; công tác đánh giá tác động của vay vốn đến dư nợ công, nợ Chính phủ và nghĩa vụ trả nợ được triển khai thường xuyên. Kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách nhà nước, nợ công được siết chặt, tăng cường công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

<sup>6</sup> Công văn số 6281/NHNN-QLNH ngày 30/7/2024 của NHNNVN về xây dựng Chương trình quản lý nợ 3 năm giai đoạn 2025-2027 và Kế hoạch vay, trả nợ công 2025.

<sup>7</sup> Hạn mức vay thương mại nước ngoài trung, dài hạn khoảng 6.599 triệu USD, dư nợ vay ngắn hạn tăng khoảng 18-20% so với cuối năm 2023.

<sup>8</sup> Trên cơ sở dự kiến kim ngạch xuất khẩu ước đạt 382,7 tỷ USD, tăng khoảng 7,9% căn cứ các báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội năm 2024, kế hoạch năm 2025.

b) Triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khoá, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, Chính phủ đã tổ chức huy động các nguồn vốn trong nước, kết hợp huy động nguồn vốn vay ODA, vốn ưu đãi nước ngoài. Tiếp theo khoản vay Chính phủ Nhật Bản được ký kết và giải ngân trong năm 2023 với tổng trị giá 50 tỷ Yên, tương đương khoảng 350 triệu USD, đầu năm 2024 đã thực hiện rút khoản vay nguồn IDA hủy của Ngân hàng Thế giới (WB) trị giá 195,9 triệu SDR (tương đương 263,8 triệu USD) phục vụ cân đối NSTW năm 2023 để tạo nguồn vốn triển khai Chương trình.

c) Triển khai chủ trương của Quốc hội chuyển vốn vay về cho vay lại, bảo lãnh Chính phủ thành cấp phát ngân sách nhà nước cho 05 dự án của VEC và VIDIFI, đồng thời bổ sung kế hoạch đầu tư vốn đầu tư năm 2022, kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025, và cho phép sử dụng dự toán chi trả nợ của NSTW năm 2022 để hoàn trả nợ gốc đã ứng trả các khoản vay nước ngoài của VIDIFI được chuyển đổi (căn cứ Nghị quyết số 63/2022/QH15 ngày 16/6/2022 và Nghị quyết số 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội), đến nay đã bố trí ngân sách nhà nước hoàn tất việc hoàn trả nghĩa vụ nợ gốc các đơn vị đã ứng trả cho các khoản vay nước ngoài của VIDIFI được chuyển đổi.<sup>9</sup> Bộ Tài chính đã ra Thông báo về thẩm định quyết toán vốn đầu tư nguồn NSNN theo niên độ ngân sách năm 2022 của Bộ GTVT (phần được giao vốn bổ sung cho 05 dự án của VEC và VIDIFI). Đối với Trái phiếu công trình do VEC phát hành được Chính phủ bảo lãnh, VEC tự cân đối trả nghĩa vụ nợ còn lại (gốc và lãi) từ năm 2017 đến khi đáo hạn và hoàn trả cho NSNN số tiền gốc NSNN đã ứng trả thay từ năm 2022 đến năm 2026; nghĩa vụ nợ lãi phát sinh từ tiền NSNN ứng VEC sẽ hoàn trả cho NSNN sau khi cấp có thẩm quyền phê duyệt lãi suất nhận nợ và phương án hoàn trả.

## II. Đánh giá tình hình quản lý nợ công năm 2024

### 1. Kết quả đạt được

a) Công tác quản lý nợ công tiếp tục được thực hiện chủ động, chặt chẽ, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu huy động vốn cho đầu tư phát triển, đồng thời đảm bảo các chỉ tiêu nợ đến cuối năm 2024 trong giới hạn trần và ngưỡng cảnh báo an toàn đã được Quốc hội phê duyệt, đảm bảo an ninh tài chính quốc gia tăng tính chủ động ứng phó với những rủi ro phát sinh từ nguyên nhân bên ngoài và trong nội tại nền kinh tế.

b) Cơ cấu nợ Chính phủ đến cuối năm 2024 tiếp tục được cải thiện theo hướng tích cực. Dư nợ trong nước tăng lên; nợ nước ngoài giảm dần, trong đó danh mục nợ nước ngoài chủ yếu là các khoản vay ODA, vay ưu đãi đã ký có kỳ hạn dài, lãi suất ưu đãi; phối hợp với chủ trương huy động nguồn lực cho phát triển trên tinh thần nguồn lực trong nước là cơ bản, quyết định, nguồn lực bên ngoài là quan trọng, cần thiết, góp phần tăng tính bền vững nợ trước

<sup>9</sup> Thực hiện hoàn trả cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Quỹ Tích lũy trả nợ.

biến động tỷ giá của các ngoại tệ mạnh trong khu vực và trên thế giới. Nợ được Chính phủ bảo lãnh tiếp tục được quản lý chặt chẽ.

Nợ được Chính phủ bảo lãnh tiếp tục được quản lý chặt chẽ, tỷ trọng giảm, từ mức 3,8% GDP năm 2021 xuống còn ở mức khoảng 2-3% GDP năm 2024.

c) Cơ cấu chủ nợ của danh mục nợ Chính phủ ngày càng đa dạng. Về nợ trong nước, tiếp tục tăng cường vai trò của các nhà đầu tư dài hạn trên thị trường TPCP và giảm dần tỷ trọng nắm giữ TPCP của các ngân hàng thương mại.

d) Kỳ hạn, lãi suất phát hành TPCP:

Kỳ hạn phát hành bình quân của danh mục nợ tiếp tục duy trì tương đối dài. Từ đầu năm 2024 đến ngày 5/9/2024, TPCP phát hành có kỳ hạn từ 5-30 năm và kỳ hạn phát hành bình quân khoảng 11,05 năm, đảm bảo mục tiêu 9-11 năm Quốc hội đề ra, góp phần giảm thiểu rủi ro vay đảo nợ. Thời gian đáo hạn bình quân của toàn bộ danh mục nợ TPCP là 9,05 năm, tương đương cuối năm 2023. Công tác phát hành TPCP của Chính phủ đã bám sát chủ trương tiếp tục cơ cấu lại nợ công theo hướng kéo dài kỳ hạn, giảm áp lực trả nợ ngắn hạn và chi phí vay vốn nêu tại Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 9/11/2016 của Bộ Chính trị.

Lãi suất phát hành bình quân tính đến ngày 5/9/2024 khoảng 2,48%/năm, được điều hành linh hoạt, phù hợp với diễn biến của thị trường tài chính-tiền tệ trong nước và hài hoà với chính sách tiền tệ. Thị trường tài chính - tiền tệ thời gian tới dự kiến còn nhiều biến động khó lường. Ngày 18/9/2024 Cục dự trữ Liên bang Mỹ (FED) đã hạ 0,5% lãi suất tham chiếu. Ở trong nước, tỷ giá đồng USD/VND có xu hướng giảm nhưng vẫn ở mức khá cao, Ngân hàng nhà nước (NHNN) tiếp tục thực hiện các nghiệp vụ thị trường mở để ổn định thị trường tiền tệ, lãi suất phát hành tín phiếu của NHNN và giao dịch repo kỳ hạn 7, 14, 28 ngày hiện nay khoảng 4,2-4,25%/năm, lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn qua đêm từ đầu quý 3/2024 đến nay giao động trong khoảng 4,5-4,9%/năm. Do đó, lãi suất phát hành đến hết năm 2024 sẽ phụ thuộc vào khối lượng huy động, nhu cầu của các nhà đầu tư trên thị trường tại thời điểm phát hành và diễn biến lãi suất.

d) Công tác xếp hạng tín nhiệm quốc gia:

Triển khai có hiệu quả công tác xếp hạng tín nhiệm quốc gia thể hiện qua việc hệ số tín nhiệm quốc gia của Việt Nam tiếp tục được khẳng định trong năm 2024. Đến tháng 8/2024, S&P, Fitch và Moody's tiếp tục giữ xếp hạng tín nhiệm quốc gia của Việt Nam, theo đó xếp hạng do tổ chức S&P, Fitch đánh giá đều ở mức BB+, tổ chức Moody's đánh giá ở mức Ba2, triển vọng Ổn định.

Cả ba tổ chức đều đánh giá cao tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong năm 2023 cùng với triển vọng tăng trưởng kinh tế thuận lợi trong trung, dài hạn. Việt Nam tiếp tục duy trì thu hút dòng vốn FDI mạnh mẽ so với các nước khác trong khu vực, phân bổ đa dạng giữa các lĩnh vực. Xuất khẩu ổn định và



tăng trưởng đáng kể. Nợ Chính phủ ổn định và thấp hơn nhiều so với các quốc gia có cùng xếp hạng (34% so với mức trung bình BB là 53%). Chiến lược quản lý nợ chủ động giúp làm giảm thiểu rủi ro thanh khoản của Chính phủ. Vị thế nợ được cải thiện, giảm sự phụ thuộc vào các nguồn huy động bên ngoài, tỷ trọng nợ bằng ngoại tệ giảm dần giúp giảm rủi ro tỷ giá. Thách thức trong lĩnh vực bất động sản và ngân hàng đang dần được giải quyết.

## 2. Một số tồn tại, hạn chế

a) Tiến độ đàm phán, ký kết thỏa thuận vay nước ngoài của Chính phủ chậm hơn so với dự kiến, do nhiều dự án chưa hoàn thiện thủ tục đầu tư hoặc đã hoàn thành thủ tục đầu tư nhưng chưa được bố trí vốn đầu tư công trung hạn, dẫn đến việc chậm trình duyệt chủ trương đàm phán. Mặt khác, do khác biệt giữa quy định trong nước và quy định của nhà tài trợ (thủ tục đấu thầu, giải phóng mặt bằng) trong bối cảnh luật pháp trong nước đang tiếp tục hài hòa, nên quá trình đàm phán, thủ tục phức tạp, kéo dài hơn.

b) Chi phí vay nước ngoài hiện đang cao hơn so với chi phí vay bình quân trong nước và tiềm ẩn các rủi ro về biến động tỷ giá giữa đồng ngoại tệ/nội tệ, điều kiện thị trường và khả năng quản trị rủi ro các khoản vay bằng ngoại tệ. Do Việt Nam đã tốt nghiệp nguồn vốn vay hỗ trợ phát triển chính thức với điều kiện vay có tính ưu đãi cao (ODA) và chuyển sang vay với điều kiện vay gần lãi suất thị trường, lãi suất vay 02 tổ chức đa phương lớn nhất<sup>10</sup> giai đoạn này (dao động trong khoảng 5,91%/năm - 6,5%/năm). Đối với vốn vay song phương, một số đối tác vẫn cung cấp các khoản vay ưu đãi với lãi suất cố định ở mức thấp, thời hạn vay dài, nhưng phần lớn có các điều kiện ràng buộc (Hàn Quốc, Nhật Bản, Áo, Phần Lan, v.v.); một số đối tác song phương khác có xu hướng đưa vào điều kiện vay tiệm cận dần với thị trường (cho vay với lãi suất thả nổi, như Pháp, Đức).

c) Giải ngân vốn đầu tư công nguồn vốn ngoài nước đạt thấp. Ước giải ngân vốn đầu tư công 9 tháng của cả nước đạt 47,29% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao<sup>11</sup>, trong đó giải ngân vốn nước ngoài đạt 24,33% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao.

Tỷ lệ giải ngân các dự án sử dụng nguồn vốn ngoài nước đạt thấp do một số nguyên nhân sau (i) Một số dự án chậm triển khai công tác sẵn sàng cho đầu tư như chậm giải phóng mặt bằng, tái định cư, đấu thầu, ký kết hợp đồng, điều chỉnh kỹ thuật; (ii) Một số dự án đang thực hiện các thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh dự án, điều chỉnh hiệp định vay; (iii) Đang hoàn thiện các thủ tục đầu tư trong nước, ký kết hiệp định vay hoặc chờ được cấp ý kiến pháp lý. Thời gian thực hiện các thủ tục nêu trên còn kéo dài; (iv) Công tác lập kế hoạch vốn chưa bám sát tiến độ thực hiện dự án và tiến độ điều chỉnh dự án nên mặc dù bố trí vốn nhưng không thể phân bổ chi tiết kế hoạch

<sup>10</sup> Ngân hàng Thế giới (WB) và Ngân hàng Phát triển Châu Á (AIDB).

<sup>11</sup> Cùng kỳ năm 2023, đạt 42,35% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao.

và giải ngân hoặc có khối lượng hoàn thành nhưng không được bố trí vốn để giải ngân (cả kế hoạch vốn trung hạn và kế hoạch năm 2024). Công tác giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn nước ngoài nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 theo quy định của Luật Đầu tư công còn mất nhiều thời gian. Một số dự án không thể thực hiện giải ngân được hết kế hoạch vốn nước ngoài do việc giao kế hoạch vốn nước ngoài cấp phát quá cao so với khả năng thực hiện thực tế của dự án; (v) Một số dự án tiếp tục ưu tiên, tập trung hoàn chứng từ các khoản giải ngân từ tài khoản đặc biệt theo kế hoạch vốn năm 2023; (vi) Việc điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh hiệp định, cấp ý kiến pháp lý, giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn nước ngoài nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 còn mất nhiều thời gian; nhiều dự án vừa thực hiện theo quy trình trong nước vừa tuân thủ theo quy định nước ngoài nên tiến độ xử lý chậm. Các vướng mắc này thuộc trách nhiệm xử lý của chủ dự án/ ban quản lý dự án, các cơ quan chủ quản và các nhà tài trợ; (vii) Vướng mắc do chậm nhận được ý kiến không phản đối của nhà tài trợ hoặc ý kiến chấp thuận của nhà tài trợ đối với hồ sơ mời thầu, hồ sơ có liên quan đến sửa đổi Hiệp định vay.

### **3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế**

Những tồn tại, hạn chế trong huy động và quản lý sử dụng nguồn vốn vay do cả nguyên nhân khách quan, chủ quan. Nguyên nhân khách quan có thể kể đến là vị thế nước ta đã thành nước thu nhập trung bình thấp, dần phải tiệm cận với mức lãi suất thị trường; mặt bằng lãi suất quốc tế vẫn duy trì ở mức cao... Tuy nhiên, nguyên nhân chủ quan vẫn là chủ yếu. Với bối cảnh hệ thống pháp luật nước ta vẫn đang hoàn thiện,<sup>12</sup> các vướng mắc liên quan đến đầu tư công, đấu thầu vẫn chưa được xử lý triệt để... trong khi yêu cầu phải đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt pháp luật trong nước đối với các thỏa thuận vay, điều ước quốc tế vay vốn cùng với sức ép từ các nhà tài trợ phải áp dụng rộng rãi các tiêu chuẩn quốc tế. Các vướng mắc về pháp luật là không thể thỏa hiệp với bên cho vay dẫn đến việc không thể ký kết các thỏa thuận vay vốn theo tiến độ dự kiến. Các tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công, bao gồm vốn vay nước ngoài, Chính phủ báo cáo Quốc hội tại Báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2024 và dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2025 trong kỳ họp này.

<sup>12</sup> Chính phủ đề nghị Quốc hội bổ sung vào chương trình Kỳ họp thứ 8 03 dự án luật: Dự án Luật Đầu tư công (sửa đổi); Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu; Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia.

## Phần II

### DỰ KIẾN VAY, TRẢ NỢ CÔNG NĂM 2025

Năm 2025, dự báo tình hình thế giới, khu vực dự báo tiếp tục phức tạp, khó lường: kinh tế phục hồi chậm, thiếu bền vững, xung đột địa chính trị và xung đột vũ trang ở nhiều nơi trên thế giới tiếp tục căng thẳng, đe dọa sự phục hồi của các chuỗi cung ứng, luân chuyển của thương mại hàng hóa và vốn đầu tư. Lãi suất điều hành của một số nền kinh tế lớn dự báo sẽ tiếp tục giảm, nhưng vẫn còn ở mức cao do áp lực lạm phát còn lớn. Trong nước, năm 2025 là năm cuối thực hiện các kế hoạch 5 năm, là thời điểm giữa kỳ của các Chiến lược 10 năm. Vì thế các cấp, các ngành cần phấn đấu nỗ lực để hoàn thành cao nhất các chỉ tiêu đặt ra cho kế hoạch 5 năm 2021-2025. Dự báo chung, nền kinh tế tiếp tục đà phục hồi, các cân đối kinh tế vĩ mô ổn định, vị thế kinh tế, đối ngoại nước ta ngày càng vững chắc, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển bền vững. Tuy nhiên khó khăn thách thức từ bên ngoài còn khó lường, đòi hỏi sự vào cuộc quyết liệt của các cấp, các ngành.

#### 1. Căn cứ xác định kế hoạch vay, trả nợ công năm 2025

- Căn cứ các mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể đề ra tại Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021-2025.

- Căn cứ các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô chủ yếu về tình hình kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước năm 2024, kế hoạch năm 2025 của Chính phủ trình cấp có thẩm quyền, dự kiến mục tiêu tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2025 khoảng 6,5-7%.<sup>13</sup>

- Căn cứ ước tình hình nợ công đến cuối năm 2024 và việc thực hiện các công cụ, Hiệp định/Thỏa thuận vay của Chính phủ.

#### 2. Dự kiến các chỉ tiêu an toàn nợ cuối năm 2025

Với dự kiến vay, trả nợ của Chính phủ, nợ được Chính phủ bảo lãnh, nợ của CQĐP và nợ nước ngoài tự vay, tự trả của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng để triển khai dự toán NSNN và các nhiệm vụ phát triển KT-XH năm 2025 theo phương án Chính phủ đang báo cáo Quốc hội, dự báo đến cuối năm 2025, dự nợ công ở mức khoảng 36-37% GDP, nợ Chính phủ ở mức khoảng 34-35% GDP, nợ nước ngoài của quốc gia ở mức khoảng 33-34% GDP; nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Chính phủ so với thu NSNN khoảng 24%; nghĩa vụ trả nợ nước ngoài của quốc gia so với kim ngạch xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ (không bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc ngắn hạn dưới 12 tháng) dự kiến ở mức khoảng 7-8%, đảm bảo trong mức trần, ngưỡng được Quốc hội cho phép.

<sup>13</sup> Tăng trưởng Việt Nam năm 2024 theo dự báo của các tổ chức quốc tế như sau: IMF gần 6% (theo đánh giá sơ bộ Đoàn Điều khoản IV tháng 6/2024), WB 6,5% (thông cáo báo chí 26/8/2024), ADB 6,2% (ADO tháng 4/2024).



### 3. Dự kiến kế hoạch vay, trả nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia năm 2025

#### a) Vay, trả nợ của Chính phủ:

- Về huy động vốn: Tổng nhu cầu vay của Chính phủ năm 2025 dự kiến ở mức 815.238 tỷ đồng, tăng 20,6% so với kế hoạch vay của Chính phủ năm 2024. Trong đó, vay của NSTW cho bù đắp bội chi và trả nợ gốc là 804.242 tỷ đồng, tăng 21,9% so với dự toán năm 2024, còn lại là vay nước ngoài về cho vay lại. Nguồn huy động kết hợp linh hoạt các công cụ (i) phát hành TPCP (ii) vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài; và (iii) trong trường hợp cần thiết sẽ huy động từ các nguồn tài chính hợp pháp khác.

- Về nghĩa vụ trả nợ của Chính phủ: Căn cứ danh mục nợ Chính phủ hiện hành, nhiệm vụ huy động vốn vay của Chính phủ năm 2025, dự kiến nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Chính phủ khoảng 468.542 tỷ đồng (tương đương khoảng 24% thu NSNN), trong đó trả nợ gốc khoảng 361.142 tỷ đồng, trả nợ lãi khoảng 107.400 tỷ đồng. Nghĩa vụ trả nợ vay về cho vay lại khoảng 38.407 tỷ đồng (trả gốc khoảng 28.054 tỷ đồng, trả lãi khoảng 10.353 tỷ đồng).

Trong cơ cấu trả nợ trực tiếp của Chính phủ, trả nợ trong nước dự kiến chiếm khoảng 87,5%, phần còn lại là trả nợ vay ODA, ưu đãi nước ngoài. Nguồn trả nợ lãi được bố trí trong dự toán NSNN, nguồn trả nợ gốc được bố trí từ huy động vay mới (từ nguồn vay trong nước).

#### b) Về hạn mức bảo lãnh Chính phủ:

- Đối với bảo lãnh cho doanh nghiệp vay trong nước và ngoài nước, theo nguyên tắc đã đề ra tại Nghị quyết số 07-NQ/TW và Nghị quyết số 23/2021/QH15 của Quốc hội, số rút vốn không vượt quá số trả nợ gốc trong năm. Dự kiến trong năm 2025 Chính phủ không xem xét cấp bảo lãnh mới cho các chương trình, dự án để vay vốn trong nước, nước ngoài. Dự kiến cuối năm 2025, dư nợ bảo lãnh cho doanh nghiệp vay trong nước khoảng 5.039 tỷ đồng, bảo lãnh vay nước ngoài khoảng 58.454 tỷ đồng.

- Đối với các ngân hàng chính sách: Dự kiến mức bảo lãnh phát hành tối đa với Ngân hàng Phát triển Việt Nam (NHPT) là 4.550 tỷ đồng, bằng mức trả nợ gốc đến hạn trong năm theo chủ trương tại Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 23/2021/QH15 của Quốc hội. Đối với NHCSXH, dự kiến phát hành trái phiếu Chính phủ bảo lãnh bằng mức trả nợ gốc đến hạn năm 2025 là 10.800 tỷ đồng. Đến cuối năm 2025, dự kiến dư nợ bảo lãnh cho NHPT khoảng 76.071 tỷ đồng, cho NHCSXH khoảng 77.731 tỷ đồng.

#### c) Về vay, trả nợ của chính quyền địa phương:

Căn cứ dự toán NSNN năm 2025 của Chính phủ trình Quốc hội, dự kiến năm 2025 bội chi NSDP ở mức 28.400 tỷ đồng.

- Tổng mức vay trong năm khoảng 31.772,9 tỷ đồng, dự kiến chủ yếu từ nguồn vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ và nguồn vay trong nước khác;

- Tổng trả nợ gốc khoảng 3.322,9 tỷ đồng, trả nợ lãi (phí) trong năm khoảng 3.147 tỷ đồng;
- Tổng dư nợ cuối năm khoảng 105.547,3 tỷ đồng.

d) Dự kiến nợ nước ngoài theo phương thức tự vay, tự trả:

Trong năm 2025, dự kiến mức rút vốn ròng trung dài hạn khoảng 6.500-8.000 triệu USD, tốc độ tăng dư nợ nước ngoài ngắn hạn khoảng 10-15% so với cuối năm 2024 (tương đương tốc độ tăng dư nợ vay nước ngoài ngắn hạn trung bình 5 năm liền trước).

#### **4. Các giải pháp tăng cường quản lý nợ công**

Năm 2025 có ý nghĩa quan trọng, là năm cuối thực hiện Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025. Trong bối cảnh tình hình quốc tế và trong nước có nhiều khó khăn, thách thức, để đạt được mục tiêu quản lý chặt chẽ nợ công, giữ vững an ninh, an toàn nền tài chính quốc gia, Chính phủ tiếp tục triển khai các giải pháp sau:

**Một là**, thực hiện đồng bộ, đầy đủ các giải pháp về quản lý nợ công đã nêu tại các Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021-2025, và về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Đảm bảo công tác vay, trả nợ công trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt; theo dõi chặt chẽ các chỉ tiêu an toàn nợ đảm bảo trong giới hạn trần và ngưỡng cảnh báo đã được Quốc hội quyết định; theo dõi, cập nhật biến động thị trường tài chính quốc tế, trong nước, nâng cao năng lực phân tích, dự báo phục vụ chỉ đạo, điều hành.

**Hai là**, tiếp tục thực hiện các giải pháp đẩy nhanh giải ngân đầu tư công: rà soát, tháo gỡ khó khăn về cơ chế, chính sách; các cơ quan chủ quản chỉ đạo chủ dự án tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác thẩm định, phê duyệt; các cơ quan chủ quản chỉ đạo chủ dự án đẩy nhanh tiến độ thi công, tiến độ tập hợp, gửi hồ sơ giải ngân, đảm bảo chi đúng chế độ quy định.

**Ba là**, sử dụng linh hoạt các cơ chế, chính sách, công cụ phù hợp, đúng quy định của pháp luật để đảm bảo hoàn thành mục tiêu huy động đủ nguồn lực trong và ngoài nước cho nhu cầu của NSNN.

**Bốn là**, tiếp tục rà soát các vướng mắc, chông chéo trong các quy định pháp luật liên quan đến tài chính - ngân sách, đầu tư công, vay vốn ODA, ưu đãi nước ngoài để hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, tạo điều kiện cho các hoạt động vay, trả nợ và tuân thủ nguyên tắc phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, không vay khi có các điều khoản trái với quy định của pháp luật Việt Nam. Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ rà soát, sửa đổi bổ sung Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước, ... và các văn bản pháp luật có liên quan theo hướng đồng bộ, rõ ràng, dễ hiểu, dễ áp dụng; đẩy mạnh phân cấp phân quyền; đơn giản hóa thủ tục hành chính.

**Năm là**, tiếp tục tăng cường tiếp xúc, quảng bá với nhà đầu tư TPCP trong và ngoài nước, cải thiện hiệu quả công tác đánh giá hệ số tín nhiệm quốc gia để hướng tới mục tiêu đến năm 2030 đạt mức xếp hạng Đầu tư, góp phần củng cố vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

Trên đây là báo cáo về tình hình nợ công năm 2024, dự kiến năm 2025,  
Chính phủ xin báo cáo Quốc hội./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch nước;
- TTgCP, các PTTg;
- Văn phòng Quốc hội;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- VPCP: BTCN, PCN Mai Thị Thu Vân;  
Các Vụ: TH, QHĐP, TKBT;
- Lưu: VT, KTTH (2).

**TM. CHÍNH PHỦ  
TUQ. THỦ TƯỚNG  
BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**



**Hồ Đức Phúc**

**Phụ lục I**  
**ƯỚC THỰC HIỆN DỰ NỢ VÀ CHỈ TIÊU AN TOÀN NỢ CÔNG**  
**NĂM 2024 VÀ DỰ KIẾN NĂM 2025**

*(Kèm theo Báo cáo số 67/L/BC-CP ngày 11/10/2024 của Chính phủ)*

*Đơn vị: Nghìn tỷ đồng*

TT	DỰ NỢ	Ư' TH 2024	DK 2025
1	Nợ công	4.022,8	4.488,9
2	Nợ Chính phủ	3.749,5	4.217,0
3	Nợ được Chính phủ bảo lãnh	252,5	217,3
4	Nợ nước ngoài của quốc gia	3.594,0	4.025,2

TT	CHỈ TIÊU AN TOÀN NỢ	Ư' TH 2024	DK 2025
1	Nợ công/GDP	36-37%	36-37%
2	Nợ Chính phủ/GDP	33-34%	34-35%
3	Nợ nước ngoài của quốc gia/GDP	32-33%	33-34%
4	Nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Chính phủ/Thu NSNN	21-22%	Khoảng 24%
5	Nghĩa vụ trả nợ nước ngoài của quốc gia (không bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc ngắn hạn dưới 12 tháng)/Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ	8-9%	7-8%

*Ghi chú: Các chỉ tiêu an toàn nợ công có thể thay đổi tùy thuộc vào tăng trưởng GDP, thu, chi, bội chi NSNN, diễn biến tỷ giá, lãi suất và khối lượng huy động vốn vay thực tế.*

## Phụ lục II

### DANH MỤC ĐÀM PHÁN, KÝ KẾT HIỆP ĐỊNH VAY NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số 22./BC-CP ngày 11/10/2024 của Chính phủ)

STT	Tên chương trình, dự án	Nhà tài trợ	Cơ quan chủ quản	Ngày ký kết	Giá trị hiệp định (Quy triệu USD)	Lãi suất vay	Cơ chế tài chính trong nước
<b>I. Đã ký kết trong năm 2024*</b>							
<b>Tổng cộng</b>					<b>638,8</b>		
1	Dự án "Đầu tư xây dựng công trình đường cao tốc Mỹ An - Cao Lãnh giai đoạn 1"	Hàn Quốc	Bộ Giao thông - Vận tải	28/6/2024	188,12	0,05%/năm đối với hợp phần xây lắp; 0%/năm đối với hợp phần tư vấn	Cấp phát
2	Dự án "Phát triển hạ tầng ưu tiên và phát triển đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An**"	Ngân hàng Thế giới	UBND tỉnh Nghệ An	02/8/2024	129,6	Lãi suất SOFR + biên độ lãi suất thả nổi; phí thu xếp vốn 0,25% trên giá trị khoản vay	Cấp phát 50%
3	Xây dựng đê biển Tây từ Cái Đoi Vàm đến Kênh Năm và Kè phòng, chống sạt lở bờ biển các đoạn xung yếu từ cửa biển sông Ông Đốc đến cửa biển Bảy Háp, tỉnh Cà Mau	AFD	UBND tỉnh Cà Mau	22/8/2024	21,09	Euribor 6 tháng + 0,44%/năm	Cấp phát 70%
<b>II. Dự kiến đàm phán, ký kết trong năm 2024</b>							
<b>Tổng cộng</b>					<b>861,2</b>		

Ghi chú:

- Tỷ giá quy đổi sang USD đối với các Hiệp định dự kiến ký kết là tỷ giá hạch toán NSNN tháng 8/2024.
- (\*): Không tính các Hiệp định vay nước ngoài đã ký không thuộc diện công khai.
- (\*\*): Điều ước quốc tế